

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DIỄN CHÂU
TỈNH NGHỆ AN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 118/2019/HSST

Ngày: 18-9-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DIỄN CHÂU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đoàn Thị Kiều Hương.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Trung và bà Lê Thị Thùy Linh.

- Thư ký phiên toà: Bà Cao Thị Vân – Thư ký Toà án nhân huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Hoàng Thị Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 112/2019/HSST, ngày 22 tháng 8 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 154/2019/HSST-QĐ ngày 05 tháng 9 năm 2019 đối với bị cáo:

1. Họ và tên: Trần Thị L (tên gọi khác: Trần Thị NL); Sinh ngày: 30/8/1995, tại huyện Q, tỉnh Nghệ An; Nơi cư trú: Xóm 2, xã T, huyện D, tỉnh Nghệ An; Trình độ học vấn: 11/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Nguyễn Công Đ, sinh năm 1970 và con bà: Trần Thị T (đã chết); Chồng, con: không có; Tiền án, tiền sự: không; Nhân thân: ngày 25/9/2015 bị Tòa án nhân dân huyện Y xử phạt 05 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”; Bị cáo đầu thú và bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/6/2019, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Nghệ An.

2. *Người bị hại:* Trương Xuân N, sinh ngày 17 tháng 7 năm 2004 (có mặt)

Trú tại: xóm T, xã H, huyện D, tỉnh Nghệ An

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và là người đại diện hợp pháp của cháu Trương Xuân N:* Ông Trương Khắc Đ (bố đẻ), sinh năm 1981 (có mặt)

Trú tại: xóm T, xã H, huyện D, tỉnh Nghệ An

4. *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

4.1. Anh Vương Sỹ H, sinh năm 1982

(vắng mặt)

Trú tại: xóm Tr, xã H, huyện D, tỉnh Nghệ An

4.2. Vương Quốc A, sinh ngày 01/5/2001

(vắng mặt)

Nơi cư trú: khối 6, thị trấn D, huyện D, tỉnh Nghệ An.

4.3. Cháu Trần Thị N, sinh ngày 03/01/2006

Người đại diện hợp pháp của cháu Trần Thị N: Ông Trần Đăng C, sinh năm 1979 (bố đẻ)

Đều trú tại: xóm 2, xã T, huyện D, tỉnh Nghệ An. (vắng mặt)

5. Người làm chứng:

5.1. Anh Ngô Sỹ M; tên gọi khác: không, sinh năm 1994 (có mặt)

5.2. Anh Ngô Sỹ C; tên gọi khác: ĐT, sinh năm 1994 (vắng mặt)

Cùng nơi cư trú: thôn 3 X, xã K, huyện D, tỉnh Nghệ An

5.3. Cháu Hồ Ngọc T, sinh ngày 12/11/2003 (vắng mặt)

Người đại diện hợp pháp của cháu Hồ Ngọc T: bà Trần Thị B, sinh năm 1980 (mẹ đẻ) (vắng mặt)

Cùng nơi cư trú: xóm Tr, xã H, huyện D, Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 6 giờ 00' ngày 16/4/2019, Trần Thị L cùng với Ngô Sỹ M và Ngô Sỹ C (anh em sinh đôi) đến quán Internet của anh T (xóm T, xã P, huyện D) để chơi game. Đến khoảng 7h30' thì có Hồ Ngọc T và Trương Xuân N (trú tại xã H, huyện D) đi xe máy hiệu Yamaha Sirius màu vàng đen, biển kiểm soát 37F1-532.00 của ông Trương Khắc Đ (bố của N) đến chơi game cùng quán với L. Một lúc sau, do không có tiền trả tiền game nên M nói với L: “sang nhà H (U) lấy thêm tiền để trả tiền nét” (tức là sang nhà anh Vương Sỹ H (xóm Tr, xã H) lấy thêm tiền cầm xe của M trước đây đã cầm cầm cho anh H). Do không có xe cho L đi nên M quay sang T là bạn bè quan biết nhau từ trước và nói: “cho chị L mượn xe sang H U lấy tiền”, T nói với N: “cho anh M mượn xe” nhưng N không cho. Sau đó N và T đi ra phía sân sau quán để đánh bi-a. Thấy vậy L đi đến vị trí xe máy của N, quan sát thấy không có người trông coi nên L lấy chìa khóa trong túi quần mình đã có từ trước cắm vào ổ khóa xe máy thì vặn được. L nổ máy điều khiển xe đã lấy của N đi ra ngoài cổng quán. Lúc này Ngô Sỹ C đi từ quán ra, nghĩ L mượn được xe nên nói với L “sang đó lấy thêm một triệu” thì L đồng ý. Sau khi lấy được xe, L điều khiển xe đến nhà anh Vương Sỹ H, gặp H, L nói: “cho em lấy thêm năm trăm”, trả lời: “không được, xe dream chỉ được 2 triệu thôi”, L nói: “rửa cho em thế chiếc xe ni lại (tức là xe Sirius), lấy xe Dream ra và lấy thêm 1 triệu”; lúc này H hỏi: “xe của ai, có giấy tờ chi không?”, L trả lời: “xe của em, giấy tờ để ở nhà”. Do quen biết từ trước nên anh H đã tin tưởng và đồng ý cho L

cầm cầm xe Sirius với giá 1 triệu đồng rồi trả lại chiếc xe Dream của M cho L đưa về. L đưa cho anh H lại 100.00 đồng (tiền lãi suất), còn lại số tiền 900.000 đồng L tiêu xài cá nhân hết. Ngày 11/6/2019, anh Trương Khắc Đ (bố của cháu N) làm đơn trình báo cơ quan điều tra về việc mất trộm xe. Ngày 13/6/2019 Trần Thị L đã đầu thú tại cơ quan điều tra về toàn bộ hành vi sai trái của mình.

Ngoài ra, bị cáo L còn khai nhận vào ngày 11/6/2019 tại quán nét ACE (khối 6, thị trấn D) L còn thực hiện hành vi mượn điện thoại sau đó chiếm đoạt của anh Vương Quốc A (sinh năm 2001, trú tại khối 6, thị trấn D) 01 chiếc điện thoại di động Huawei, trị giá 700.000 đồng.

* Về việc thu giữ và xử lý vật chứng:

- 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Yamaha Sirius, biển kiểm soát 37F1-532.00 đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động Huawei. Cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sử dụng là anh Trương Khắc Đ và anh Vương Quốc A.

* Về trách nhiệm bồi thường dân sự:

Anh Trương Khắc Đ và anh Vương Quốc A đều đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu bồi thường gì về dân sự.

- Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: anh Vương Sỹ H không yêu cầu gì về dân sự.

Cáo trạng số 124/CT-VKSDC ngày 21/8/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện D truy tố bị cáo Trần Thị L về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 điều 173 của Bộ luật hình sự 2015;

Tại phiên tòa Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố như cáo trạng, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: khoản 01 Điều 173; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Trần Thị L từ 09 (chín) tháng đến 12 (mười hai) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Về trách nhiệm dân sự: không có ai yêu cầu nên không xem xét.

Biện pháp tư pháp: Áp dụng Điểm b Khoản 01 Điều 47 BLHS, tịch thu sung công quỹ Nhà nước từ bị cáo Trần Thị L số tiền 1.000.000 (chín trăm ngàn) đồng.

Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận hành vi thực hiện đúng như cáo trạng truy kết, các kết luận định giá tài sản và nhất trí với quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, bị cáo không tranh luận gì thêm và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Ý kiến những người bị hại đều trình bày đã nhận lại tài sản nên không có yêu cầu bồi thường gì thêm; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã tự nguyện trả lại tài sản không yêu cầu bị cáo bồi thường.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng:

Quá trình điều tra, truy tố Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát nhân dân huyện D đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự về hoạt động “Điều tra” “Truy tố”, đồng thời đã giải thích và tạo điều kiện để bị cáo, người bị hại, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan thực hiện đúng và đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của họ. Bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2]. Về nội dung:

2.1. Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với: lời khai của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra; các chứng cứ, tài liệu thu thập có tại hồ sơ vụ án và diễn biến khách quan của vụ án. Đã có đủ cơ sở khẳng định: Vào khoảng 7h30’ ngày 16/4/2019, tại quán Internet của anh Chu Khắc T (thuộc xóm T, xã P, huyện D, tỉnh Nghệ An), sau khi hỏi mượn xe của Trương Xuân N không được, Trần Thị L đã lợi dụng sơ hở lúc mọi người không để ý, đã có hành vi lấy trộm chiếc xe máy hiệu Sirius của anh Trương Khắc Đ đã cho con trai là Trương Xuân N mượn sử dụng đi chơi, đem đi cầm cố cho anh Vương Sỹ H để lấy số tiền 1.000.000 đồng sử dụng nhu cầu cá nhân. Tài sản L trộm cắp được định giá là 7.500.000 (bảy triệu năm trăm ngàn) đồng. Bởi vậy Viện kiểm sát nhân dân huyện D đã truy tố bị cáo Trần Thị L về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 điều 173 của Bộ luật hình sự là hoàn toàn có căn cứ pháp luật;

2.2. Đánh giá tính chất vụ án: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác là khách thể quan trọng được luật hình sự bảo vệ. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực hành vi, phạm tội đều với lỗi cố ý; lợi dụng sự sơ hở, mất cảnh giác của người bị hại nhằm trộm cắp tài sản, điều đó đã thể hiện sự liều lĩnh, ý thức coi thường pháp luật của bị cáo. Hành vi phạm tội của bị cáo còn gây mất trật tự trị an trên địa bàn, gây tâm lý hoang mang bất an đối với người dân. Vì vậy cần phải áp dụng hình phạt nghiêm khắc tương xứng với hành vi của bị cáo nhằm mục đích răn đe và phòng ngừa chung. Nghĩ nên cần tiếp tục cách ly bị cáo ra khỏi xã hội như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp.

2.3. *Về nhân thân và tình tiết tăng nặng*: Bị cáo có nhân thân xấu, năm 2015 bị Tòa án nhân dân huyện Y xử phạt 05 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thử thách 12 tháng về tội “lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, đã được xóa án tích. Ngoài hành vi phạm tội trên, bị cáo còn có hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt 01 chiếc điện thoại.

2.4 *Về tình tiết giảm nhẹ*: Sau khi bị phát hiện, bị cáo đã tự nguyện đầu thú tại cơ quan điều tra, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo toàn bộ hành vi của mình. Do đó, áp dụng các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1,

khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo nhằm thể hiện tính nhân đạo của pháp luật.

2.5. *Về yêu cầu dân sự*: Gia đình người bị hại đã nhận lại tài sản không có yêu cầu gì thêm nên miễn xét.

2.6. *Xét lời khai, trách nhiệm và yêu cầu của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan*: Anh Vương Sỹ H và cháu Trần Thị N khi nhận giao dịch những tài sản của bị cáo L đều không biết đó là tài sản do bị cáo phạm tội mà có, quá trình điều tra đã tự nguyện giao nộp các tài sản trả lại cho người bị hại, và đều không yêu cầu các bị cáo bồi thường dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2.7. *Về biện pháp tư pháp*: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo L đều khai nhận sau khi chiếm đoạt được tài sản của người bị hại, L đã sử dụng toàn bộ số tiền 1.000.000 đồng cầm cố tài sản trộm cắp được để tiêu xài cá nhân. Xét đây đều là khoản tiền thu lợi bất chính từ hành vi phạm tội của bị cáo nên cần áp dụng điều 47 của Bộ luật hình sự để tịch thu khoản tiền trên để sung quỹ nhà nước.

2.8. *Về việc xử lý vật chứng*: Toàn bộ vật chứng vụ án đã được cơ quan điều tra Công an huyện D trả lại cho chủ sở hữu theo đúng quy định pháp luật, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2.9. *Về án phí*: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Trần Thị L (tên gọi khác: Trần Thị NL) 09 (chín) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam bị cáo ngày 13/6/2019.

Về biện pháp tư pháp: Áp dụng điểm b khoản 1 điều 47 của Bộ luật hình sự; Buộc bị cáo Trần Thị L phải nộp lại số tiền 1.000.000 (một triệu) đồng để sung quỹ nhà nước.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Về án phí: Căn cứ vào điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội 14. Buộc bị cáo L phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người bị hại, người đại diện hợp pháp của người bị hại có mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Những người tham gia tố tụng vắng mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Những người TGTT;
- VKS huyện D;
- VKS tỉnh Nghệ An;
- TAND tỉnh Nghệ An ;
- Công an huyện (NVCS);
- Chi cục THA dân sự h.D;
- THA hình sự;
- Sở tư pháp;
- Lưu hồ sơ + lưu trữ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Đoàn Thị Kiều Hương